

CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC VỀ VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

PHẠM XUÂN NAM*

Nếu chúng tôi không nhầm thì trong toàn bộ các tác phẩm hết sức phong phú và đồ sộ của mình, cả C. Mác và Ph. Ăngghen dường như chưa bao giờ đưa ra một định nghĩa chính thức nào về văn hóa. Tuy nhiên, là những nhà sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử từng đặt nền móng cho một hệ thống lý luận về mối quan hệ tác động qua lại biện chứng giữa tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của các cộng đồng người trong tiến trình lịch sử - từ cơ sở hạ tầng kinh tế, cơ cấu xã hội đến kiến trúc thượng tầng về pháp lý, chính trị và các hình thức ý thức xã hội tương ứng - trên thực tế, các ông đã nêu lên nhiều luận điểm hết sức sâu sắc về văn hóa nói chung và đời sống văn hóa của giai cấp công nhân nói riêng, đặt trong sự so sánh giữa thực trạng của đời sống ấy dưới ách thống trị của chủ nghĩa tư bản và dự báo triển vọng phát triển của nó dưới chế độ xã hội chủ nghĩa tương lai.

Bài viết này tập trung giới thiệu một số quan điểm có ý nghĩa cơ sở lý luận, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác về vấn đề đặt ra trên đây.

Thứ nhất, văn hóa được hiểu là hoạt động sinh sống có ý thức của con người theo quy luật của cái đẹp.

Trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, C. Mác cho rằng: "Hoạt động sinh sống có ý thức của con người" (1) là cái riêng có ở con người, phân biệt con người với con vật, đời sống con người với đời sống con vật. Hoạt động đó diễn ra đồng thời với sự hình thành các mối quan hệ tất yếu giữa con người với giới tự nhiên và quan hệ giữa con người với con người trong xã hội.

Con vật, loài vật không có bất cứ hoạt động và mối quan hệ nào với ý nghĩa là hoạt động và quan hệ có ý thức. Con vật chỉ hoạt động, chỉ quan hệ theo nhu cầu thể xác trực tiếp của nó, tức hoạt động và quan hệ theo bản năng sinh vật.

Dù sự khéo léo của bầy ong trong việc xây dựng những ngăn tổ bằng sáp có thể làm cho một số nhà kiến trúc phải hổ thẹn, nhưng ngay từ đầu, điều phân biệt nhà kiến trúc tồi nhất với con ong giỏi nhất là ở chỗ trước khi xây dựng những căn nhà trong thực tế, nhà kiến trúc đã hình dung việc xây dựng chúng ở trong đầu óc của mình rồi. Đó là một nhận xét rất tiêu biểu của C. Mác về hoạt động sinh sống có ý thức của con người (2). Hơn nữa, con người không chỉ lấy cái sẵn có trong tự nhiên mà còn biến đổi nó, làm thêm cho tự nhiên những cái mà tự nhiên không có. Sự biến

* GS.TS. Viện Sử học

thực, nó đối lập với cái giả - cả sự giả dối, lừa bịp lẫn sự giả tạo, khiên cưỡng.

- Biểu hiện tập trung của "thiện" là cái tốt, sự tử tế, là tình cảm vị tha, lòng nhân ái. "Thiện" là đặc trưng của tính người và tình người. Định hướng giá trị vào cái "thiện", con người có khả năng vươn tới cái tốt, nảy nở lòng nhân ái, từ đó mà có thái độ khoan dung, độ lượng trong văn hóa ứng xử.

- *Biểu hiện điển hình của "mỹ" là cái đẹp.* Cái đẹp thể hiện nổi bật trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, đồng thời cái đẹp có mặt trong tất cả các mặt của đời sống con người, trong lao động và sản xuất, trong đạo đức và lối sống, trong lời nói và cử chỉ giao tiếp, trong thái độ và hành vi ứng xử giữa người với người.

Cần lưu ý rằng, *chân - thiện - mỹ* (cái thật, cái tốt, cái đẹp) không tách rời nhau mà đan xen với nhau, bổ sung cho nhau. Cái thật chỉ trở thành cái đẹp khi nó gắn với cái tốt. Cái tốt làm cho cái thật và cái đẹp được tôn lên. Còn cái đẹp trước hết phải là cái tốt và cái thật.

Theo Mạnh Tử, "Người mà lòng thiện phát lộ tràn trề, mỗi cử động đều hợp với điều thiện thì gọi là mỹ" (Mạnh Tử - Tận tâm chương cú hạ). Còn theo C. Mác, từ những con người mà hai bàn tay đã thành chai vì lao động tới những người lao động đang làm việc thật sự cật lực để tạo ra những sản phẩm tốt và có ích cho xã hội, ta nhìn ra cái thật, cái tốt, cái đẹp của loài người. Nhưng C. Mác không chỉ nói đến cái thật, cái tốt, cái đẹp của lao động cơ bắp mà còn thấy những giá trị đó được nhân lên trong hoạt động trí tuệ sáng tạo của con người, thể hiện ở những thành tựu khoa học ngày càng cao, đến mức trở thành "lực lượng sản xuất trực tiếp", trở thành "những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực" (10).

Rõ ràng, luận điểm này của C. Mác có ý nghĩa cơ sở lý luận, phương pháp luận rất quan trọng đối với việc nghiên cứu đời sống văn hóa của giai cấp công nhân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta ngày nay.

Thứ tư, những hoạt động sáng tạo văn hóa đích thực chỉ có thể có được khi con người được lao động tự do; còn dưới chế độ tư bản chủ nghĩa - một chế độ người áp bức bóc lột người - thì lao động của người công nhân bị tha hóa, và vì thế những giá trị văn hóa do người công nhân tạo ra lại trở thành cái xa lạ, đối lập với đời sống của chính họ.

Vẫn trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, C. Mác đã phân tích sâu sắc tình trạng tha hóa lao động của người công nhân, kéo theo sự tha hóa trong đời sống văn hóa, tha hóa trong hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của họ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa ở châu Âu nửa đầu thế kỷ XIX. Ông viết: "Lao động [của người công nhân] sản xuất ra những vật phẩm kỳ diệu cho những người giàu, nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hóa công nhân. Nó tạo ra lâu đài, nhưng cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân. Nó sáng tạo ra cái đẹp, nhưng cũng làm què quặt công nhân... Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự đần độn, ngu ngốc cho công nhân" (11).

C. Mác cho rằng sự tha hóa lao động của người công nhân không chỉ thể hiện ở phương diện quan hệ của người công nhân với sản phẩm lao động của anh ta mà còn thể hiện ngay trong bản thân hành vi sản xuất, trong bản thân quá trình lao động sản xuất. Ông viết: "Trong tình trạng bị tha hóa, lao động là một cái gì đó bên ngoài đối với người công nhân, không thuộc về bản chất anh ta; trong lao động của anh ta, anh ta không khẳng

định mình mà phủ định mình, không cảm thấy mình sung sướng mà cảm thấy mình khổ sở; không phát huy một cách tự do nghị lực thể chất và tinh thần của mình, mà làm kiệt quệ thân thể của mình và phá hoại tinh thần của mình" (12).

Rất gần với quan điểm của C. Mác, trong tác phẩm *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh* (xuất bản lần đầu năm 1845), Ph. Ăngghen đã tập trung mô tả một cách cụ thể, chi tiết đời sống hàng ngày (every-day life) của công nhân Anh thời bấy giờ, và qua đó rút ra những kết luận có tác dụng định hướng cho sự phát triển của phong trào công nhân. Ông cho rằng: mặc dù với lao động cực nhọc, thời gian làm việc kéo dài (thường là 12 - 14 giờ một ngày) và đồng lương chết đói; điều kiện ăn, mặc, ở (nhất là ở) hết sức tồi tàn; điều kiện sinh hoạt gia đình và nuôi dạy con cái vô cùng thiếu thốn; các mặt thể chất, trí tuệ và đạo đức đều bị giai cấp thống trị bỏ rơi, nhưng bằng chính sự trải nghiệm thực tiễn của mình, giai cấp công nhân Anh "vẫn biết rất rõ lợi ích của bản thân và lợi ích của toàn dân tộc là thế nào; họ cũng biết lợi ích riêng của giai cấp tư sản là gì và họ có thể trông đợi được gì ở giai cấp ấy..., họ không hiểu gì về những vấn đề trên trời mà các cha cố cố gắng dạy cho họ, nhưng về những vấn đề trần thế, chính trị và xã hội thì họ lại hiểu rõ ràng" (13). Đây chính là những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy giai cấp công nhân Anh đứng lên đấu tranh vì những quyền lợi sống còn và vì phẩm giá con người của họ.

Thứ năm, do yêu cầu khách quan của quá trình phát triển công nghiệp, bản thân giai cấp tư sản cũng dần dần nhận thấy sự cần thiết phải từng bước cải thiện đời sống văn hóa của công nhân làm thuê, nhưng chỉ đến khi cách mạng vô sản thành công thì giai

cấp công nhân mới thật sự trở thành người làm chủ xã hội và làm chủ đời sống văn hóa của chính mình.

Đứng vững trên lập trường duy vật biện chứng triệt để, trong khi phân tích, mô tả thực trạng đời sống văn hóa của giai cấp công nhân Anh và một số nước tư bản phương Tây khác kể từ sau cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đều nhìn thực trạng ấy theo quan điểm vận động, phát triển chứ không phải là tĩnh tại, chết cứng.

Điều đó giải thích tại sao, ngay từ cuối những năm 50 của thế kỷ XIX, trong tác phẩm *Phê phán khoa kinh tế chính trị (Bản sơ thảo những năm 1857-1858)*, C.Mác đã sớm dự báo: "Theo đà phát triển của đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực tế trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và vào số lượng lao động đã chi phí... [mà] phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào sự tiến bộ của kỹ thuật, hay là phụ thuộc vào việc ứng dụng khoa học ấy vào sản xuất" (14). Trong điều kiện như thế, theo C. Mác, "lao động thặng dư của quần chúng công nhân không còn là điều kiện để phát triển của cải phổ biến, cũng giống như sự không lao động của một số ít người không còn là điều kiện cho sự phát triển những sức mạnh phổ biến của đầu óc con người nữa..., mà nói chung là việc giảm lao động cần thiết của xã hội xuống mức tối thiểu, tương ứng với điều đó trong những điều kiện ấy là sự phát triển nghệ thuật, khoa học... của các cá nhân nhờ thời gian đã được giải tỏa cho mọi người và nhờ những phương tiện đã được tạo ra để thực hiện điều đó" (15).

Tương tự như dự báo sáng suốt của C. Mác, gần nửa thế kỷ sau khi cuốn *Tình cảnh của giai cấp lao động Anh* ra mắt bạn đọc, Ph. Ăngghen cũng đi tới nhận xét cho rằng: Cùng với quá trình ứng dụng khoa

học vào sản xuất công nghiệp, bản thân giai cấp tư sản Anh đã dần dần nhận thấy sự cần thiết phải quy định bằng pháp luật giới hạn tương đối hợp lý của ngày lao động của công nhân (ngày làm việc 10 giờ) (16), xóa bỏ chế độ trả công bằng hàng hóa và tiến hành một số cải cách khác nhằm cải thiện phần nào đời sống văn hóa của công nhân (nhất là bộ phận công nhân kỹ thuật, công nhân trí thức), khôi phục thể chất của họ, đem lại cho họ một trình độ học vấn và chuyên môn cũng như một quyền dân chủ nhất định về chính trị - xã hội, thể hiện qua hoạt động của Hội công liên (17). Bởi chỉ có như vậy, thì công nhân mới có được một trạng thái thể lực, trí lực và đạo đức khả dĩ đủ để vận hành những máy móc và phương tiện kỹ thuật ngày càng được cải tiến, tạo ra nhiều sản phẩm với giá thành hạ và chất lượng cao hơn, qua đó đem lại cho giai cấp tư sản số lợi nhuận lớn hơn gấp bội so với việc áp dụng thủ đoạn vắt kiệt sức lao động của công nhân và đẩy họ vào một cuộc sống thảm hại hoàn toàn không xứng đáng với phẩm giá con người.

Tuy nhiên, dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, khi việc chạy theo lợi nhuận tối đa của giai cấp tư sản - giai cấp thống trị nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất xã hội - dựa trên sự bóc lột giá trị thặng dư do lao động của người công nhân làm ra vẫn còn là một quy luật tất yếu cho sự tồn tại và phát triển của chế độ đó, thì người công nhân chưa thể hoàn toàn làm chủ đời sống vật chất và đời sống tinh thần của mình được.

Bằng việc nghiên cứu sự chuyển biến về đời sống mọi mặt của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với hàng loạt sự kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội khác, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã đi đến nhận định cho rằng: Do

quy luật phát triển nội tại của mình, chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ tạo ra trong tiến trình phát triển của nó những tiền đề cần thiết - cả *tiền đề vật chất kỹ thuật* thể hiện ở nền sản xuất đại công nghiệp dựa trên những thành tựu khoa học tiên tiến và *tiền đề xã hội* mà lực lượng chủ yếu là giai cấp công nhân có trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao - bảo đảm cho sự thay thế chế độ tư bản bằng một chế độ xã hội tiến bộ và công bằng hơn, đó là chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản văn minh.

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, dưới chủ nghĩa xã hội, chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về những tư liệu sản xuất chủ yếu sẽ được thay thế bằng chế độ sở hữu xã hội. Và trong điều kiện như thế, hoạt động lao động sản xuất của người công nhân không còn là một đối tượng để bị bóc lột nữa mà trở thành một phương tiện thúc đẩy sự gia tăng của nền sản xuất xã hội, "bảo đảm cho mọi thành viên trong xã hội không những một đời sống hoàn toàn đầy đủ về vật chất... mà còn đảm bảo cho họ phát triển và vận dụng một cách hoàn toàn tự do và đầy đủ những năng khiếu thể lực và trí lực của họ nữa" (18).

Nói cách khác, chỉ đến khi nào chủ nghĩa xã hội được xây dựng thành công, tức là khi chế độ người bóc lột người bị hoàn toàn xóa bỏ, thì người công nhân mới thật sự trở thành chủ thể tự do trong quá trình sáng tạo ra đời sống văn hóa của bản thân họ. Mà mỗi bước tiến lên trên con đường văn hóa lại là một bước tiến mới hướng tới tự do của con người ở mức cao hơn. Đúng như C. Mác và Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: "Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hiệp, trong đó sự phát triển

tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" (19).

*

Tóm lại, mặc dù C. Mác và Ph. Ăngghen không chính thức đưa ra định nghĩa của mình về văn hóa, cũng như không trực tiếp nêu lên những chỉ dẫn cụ thể về việc nghiên cứu đời sống văn hóa của giai cấp công nhân, nhưng thông qua một loạt luận điểm quan trọng của các ông vừa được dẫn ra ở trên, chúng ta có thể thấy trong quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, *văn hóa - theo nghĩa sâu xa nhất của khái niệm này - chính là hoạt động sinh sống có ý thức của con người theo quy luật của cái đẹp.*

Từ đó, ta có thể suy ra: đời sống văn hóa của con người nói chung, của giai cấp công nhân nói riêng bao gồm một phức thể những hoạt động sau:

- Sản xuất và tái sản xuất ra bản thân đời sống vật chất của chính người công nhân (thể hiện ở việc làm, thu nhập và tiêu dùng về ăn, mặc, ở và các vật dụng khác);

- Xây dựng gia đình, tái sản xuất ra con người, nuôi dạy con cái;

- Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp;

- Điều chỉnh định hướng giá trị đạo đức và hành vi đạo đức;

- Thực hiện quyền tự do dân chủ trong sinh hoạt chính trị - xã hội;

- Thưởng thức và sáng tạo trong văn hóa thể thao, khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật...

Những hoạt động kể trên có mối quan hệ tác động qua lại mật thiết với nhau. Trong một bối cảnh xã hội cụ thể nào đó, những hoạt động ấy có thể bị tha hóa nghiêm trọng. Nhưng theo quy luật vận động khách quan của nó, sự tha hóa ấy sẽ từng bước được giảm thiểu cùng với đà phát triển của lực lượng sản xuất - yếu tố quyết định xét đến cùng của tiến bộ xã hội -, kết hợp với sự tác động của yếu tố chủ quan là cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cho những lợi ích thiết thực của chính mình.

CHÚ THÍCH

(1), (3). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 42. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 136.

(2), (4), (5). Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 266, 137, 137.

(6). Như Thiết: *Phản văn hóa và quá trình phát triển xã hội Việt Nam hiện nay*. In trong: *Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay*, do Vũ Khiêu, Phạm Xuân Nam, Cao Xuân Phổ đồng chủ biên. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 97-98.

(7), (8), (9). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 3. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 39-40, 41, 42.

(10), (14), (15). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 46, phần II. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 372-373, 368-369, 370-371.

(11), (12). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 42. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 131, 132.

(13). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 2. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 470.

(16). Sau cuộc đấu tranh thắng lợi của giai cấp công nhân Mỹ vào cuối thế kỷ XIX, ngày làm việc của công nhân trên thế giới nói chung được rút xuống 8 giờ.

(17). Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 22. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 393-403.

(18). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 19. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 329.

(19). C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tập 4. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 628.